

Bản án số: 49/2024/HSST
Ngày 29/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung.
2. Ông Trần Xuân Viên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dũng, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 29/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2024/HSST ngày 06/02/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HS ngày 15/02/2024 đối với bị cáo: Họ và tên: Trần Thị K; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 10 tháng 01 năm 1971; Nơi cư trú: Tổ I, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 07/10. Con ông: Trần Văn T, đã chết; Con bà: Phạm Thị X, đã chết; Gia đình có 04 chị em. Bị cáo là con thứ tư; Có chồng: Ngô Xuân T1, sinh năm 1968, đã ly hôn; Có 01 con sinh năm 1994; - Tiền án: 02: + Tại Bản án số 129/2018/HSST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 25/12/2019.+ Tại Bản án số 139/2021/HSST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 11/12/2022; + Tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2023 đến nay). (Có mặt tại phiên tòa).

Người chứng kiến: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1956, trú tại: Tổ F, phường T, thành phố T. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 9 giờ 00 phút ngày 18/12/2023, tổ công tác của Công an phường T, thành phố T làm nhiệm vụ tại khu vực tổ H của phường thì phát hiện 01 nữ giới có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Qua kiểm tra, nữ giới trên khai tên là Trần Thị K và tự giác lấy từ túi áo phía trước bên trái K đang mặc ra giao nộp 01 gói giấy bạc màu vàng bên trong chứa chất bột màu trắng (theo K khai là H). Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng theo quy định.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành cân xác định: Số chất bột màu trắng thu giữ của K có khối lượng 0,203 gam (niêm phong A1 gửi giám định). Tại Kết luận giám định số 40/KL-KTHS ngày 26/12/2023 của Phòng K4 - Công an tỉnh T kết luận: Chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine có khối lượng là 0,203 gam (BL 27). Tại cơ quan điều tra Trần Thị K khai nhận: Khoảng 8 giờ 15 phút ngày 18/12/2023, K đi từ nhà đến tổ H, phường T, thành phố T đích tìm mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Khi đến nơi, K gặp và mua của 01 người đàn ông không quen biết 01 gói Heroine được gói bằng giấy bạc màu vàng với giá 200.000 đồng. Mua xong K cất giấu vào túi áo phía trước bên trái rồi đi tìm nơi sử dụng, khi đi được một đoạn thì bị tổ công tác của công an phường T bắt quả tang như trên. Lời khai nhận của Trần Thị K phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định (BL: 30-32, 46-49).

Vật chứng của vụ án:- 01 bì niêm phong ký hiệu A1 chứa ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu; - 01 bì niêm phong ký hiệu A2 chứa bì niêm phong ban đầu. Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKSNDTPTN ngày 05/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố Trần Thị Khánh về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm o, khoản 2, Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm o, khoản 2, Điều 249 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Thị Khánh phạm tội Tàng trữ trái phép ma túy, xử phạt Trần Thị K1 án tù 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định..

Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận: Bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội;

Bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của bị cáo là sai xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai người chứng kiến và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hội 09 giờ 00 phút ngày 18/12/2023, tại khu vực tổ H, phường T, thành phố T, Trần Thị K là người đã 02 lần bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được xóa án tích theo quy định, lại tiếp tục có hành vi tàng trữ 0,203 gam chất ma túy, loại Heroine nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tổ Công tác của Công an phường T, T và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Bị cáo là người đủ năng lực hành vi trách nhiệm dân sự và biết ma túy là vật cấm và được Nhà nước quản lý nhưng vẫn cố tình tàng trữ trái phép ma túy là 0,203gam Heroine để mục đích sử dụng cho bản thân. Bị cáo đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích cụ thể: + Tại Bản án số 129/2018/HSST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 25/12/2019. + Tại Bản án số 139/2021/HSST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ

trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 11/12/2022.. Căn cứ khoản 2 Điều 70 và Điều 73 Bộ luật Hình sự..Do 02 bản án trên chưa được xóa án tích và thuộc vào trường hợp Tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 53 BLHS.

Do vậy hành vi phạm tội lần này của bị cáo là tình tiết định khung hình phạt thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và đã đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o, khoản 2, Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát thành phố T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c, H, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

o, Tái phạm nguy hiểm.”

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[4] Xét tính chất mức độ của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an ở địa phương và là một trong các nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác..

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân xấu đã bị xét xử bằng nhiều bản án có hiệu lực pháp luật, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội lại nghiện ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy với lỗi cố ý.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Hiện tại bị cáo đang mắc bệnh nặng HIV sức khỏe giảm sút, Trại giam Công an tỉnh đã có văn bản về tình trạng sức khỏe của bị cáo K và việc đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án.

Từ những nội dung nêu trên Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo K1 án tù 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là phù hợp..

[6] Vật chứng của vụ án: + Cần tịch thu tiêu hủy: - 01 bì niêm phong ký hiệu A1 chứa ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu; - 01 bì niêm phong ký hiệu A2 chứa bì niêm phong ban đầu.

[7] Về các vấn đề khác: Nguồn gốc số ma túy thu giữ, Trần Thị K khai mua của một người đàn ông không rõ lai lịch địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

[8] Về hình phạt bổ sung và án phí:

- Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính lẽ ra Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo. Tuy nhiên bị cáo là người nghiện ma túy không nghề nghiệp và thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

1. Bị cáo **Trần Thị K** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ vào điểm o, khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s, khoản 1, Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: Trần Thị K 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự. + Tịch thu tiêu hủy: - 01 bì niêm phong đúng quy định ký hiệu A1 (bên trong chứa 0,191 gam mẫu vật còn lại sau giám định vỏ bao gói mẫu A1) mặt sau có các dấu tròn đỏ của phòng KTHS Công an tỉnh T và chữ ký của Trương Đăng T2; - 01 bì niêm phong đúng quy định ký hiệu A2 (bên trong có chứa vỏ bao mẫu vật niêm phong ban đầu) sau có các dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an TPTN và chữ ký của các thành phần tham gia.

Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng số 105 ngày 08/02/2024.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Thị K3 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;..
- Lưu HS; lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Duy Chính

